TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Đặng Văn Thuận

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phó Thị B; Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C; Sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phó Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn C kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phó Thị B kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vợ, chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay, chị B làm đơn ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phó Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn C. Anh C cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, chị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh C lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị B và anh C.

[3]. Về hôn nhân: Chị B và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/11/2012 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phó Thị B được ly hôn anh Bùi Văn C.

[4]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[5]. Về tài sản: Chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phó Thị B được ly hôn anh Bùi Văn C;

2. Về án phí: Chị Phó Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: 0002268, ngày 26/3/2024. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Phó Thị B và anh Bùi Văn C. Chị B và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc